

DANH SÁCH SINH VIÊN TỐT NGHIỆP ĐẠI HỌC CHÍNH QUY ĐỢT 2 LẦN 2 - NĂM 2026

TT	Đơn vị	Số Quyết định	Ngày ký	MSSV	Họ tên	Ngày sinh	Nữ	Tên ngành	Tên chuyên ngành
1	DA	3981/QĐ-ĐHCT	24/07/2026	B2105010	Nguyễn Thị Hồng Hạnh	15/05/2003	N	Công nghệ sau thu hoạch	
2	DA	3981/QĐ-ĐHCT	24/07/2026	B2111149	Nguyễn Diệu Hiền	22/11/2003	N	Công nghệ sau thu hoạch	
3	DA	3981/QĐ-ĐHCT	24/07/2026	B2202272	Phạm Duy	16/10/2004		Công nghệ sinh học	
4	DA	3981/QĐ-ĐHCT	24/07/2026	B2202283	Trần Thị Xuân Mai	02/01/2004	N	Công nghệ sinh học	
5	DA	3981/QĐ-ĐHCT	24/07/2026	B2010833	Đặng Thị Kim Nhanh	15/06/2002	N	Công nghệ sinh học (chương trình tiên tiến)	
6	DA	3981/QĐ-ĐHCT	24/07/2026	B2109261	Nguyễn Lê Quang	26/02/2003		Công nghệ sinh học (chương trình tiên tiến)	
7	DA	3981/QĐ-ĐHCT	24/07/2026	B2200061	Trần Hữu Duy	11/10/2004		Công nghệ thực phẩm	
8	DA	3981/QĐ-ĐHCT	24/07/2026	B2107479	Võ Nguyễn Ngọc Hân	05/02/2003	N	Công nghệ thực phẩm (chương trình chất lượng cao)	
9	DI	3982/QĐ-ĐHCT	24/07/2026	B2105589	Nguyễn Hoàng Phúc	20/08/2003		Công nghệ thông tin	Tin học ứng dụng
10	DI	3982/QĐ-ĐHCT	24/07/2026	B2203708	Phan Thanh Bình	03/05/2004		An toàn thông tin	
11	DI	3982/QĐ-ĐHCT	24/07/2026	B2108121	Nguyễn Duy Thanh	23/06/2003		Công nghệ thông tin (chương trình chất lượng cao)	
12	DI	3982/QĐ-ĐHCT	24/07/2026	B2111945	Hồ Phúc Hồng Phước	17/05/2003		Công nghệ thông tin (chương trình chất lượng cao)	
13	DI	3982/QĐ-ĐHCT	24/07/2026	B2111951	Vũ Trần Quốc Thái	25/07/2003		Công nghệ thông tin (chương trình chất lượng cao)	
14	DI	3982/QĐ-ĐHCT	24/07/2026	B2111965	Trát Lâm Trường	02/10/2003		Công nghệ thông tin (chương trình chất lượng cao)	
15	DI	3982/QĐ-ĐHCT	24/07/2026	B2111983	Đặng Gia Huy	30/01/2003		Công nghệ thông tin (chương trình chất lượng cao)	
16	DI	3982/QĐ-ĐHCT	24/07/2026	B2112002	Trần Văn Sang	19/11/2003		Công nghệ thông tin (chương trình chất lượng cao)	
17	DI	3982/QĐ-ĐHCT	24/07/2026	B2112005	Nguyễn Nhựt Tâm	08/06/2003		Công nghệ thông tin (chương trình chất lượng cao)	
18	DI	3982/QĐ-ĐHCT	24/07/2026	B2011955	Huỳnh Kỳ Anh	01/07/2000		Hệ thống thông tin	
19	DI	3982/QĐ-ĐHCT	24/07/2026	B2203480	Nguyễn Dương Trọng Tín	25/05/2004		Hệ thống thông tin	
20	DI	3982/QĐ-ĐHCT	24/07/2026	B1704739	Phan Văn Khải	28/10/1999		Kỹ thuật phần mềm	
21	DI	3982/QĐ-ĐHCT	24/07/2026	B2003838	Nguyễn Văn Kiệt	06/02/2002		Kỹ thuật phần mềm	
22	DI	3982/QĐ-ĐHCT	24/07/2026	B2012241	Nguyễn Tấn Phát	14/11/2002		Kỹ thuật phần mềm	
23	DI	3982/QĐ-ĐHCT	24/07/2026	B2103541	Nguyễn Hồ Nhựt Đoan	02/07/2003		Kỹ thuật phần mềm	
24	DI	3982/QĐ-ĐHCT	24/07/2026	B2110112	Phạm Công Vĩ	13/09/2003		Kỹ thuật phần mềm	
25	DI	3982/QĐ-ĐHCT	24/07/2026	B2110125	Nguyễn Phúc Khang	16/09/2003		Kỹ thuật phần mềm	
26	DI	3982/QĐ-ĐHCT	24/07/2026	B2110156	Tạ Quang Vinh	11/02/2003		Kỹ thuật phần mềm	
27	DI	3982/QĐ-ĐHCT	24/07/2026	B1908414	Phạm Tiến Thành	31/07/2001		Mạng máy tính và truyền thông dữ liệu	
28	DI	3982/QĐ-ĐHCT	24/07/2026	B2004819	Nguyễn Bùi Bá Tường	01/08/2002		Mạng máy tính và truyền thông dữ liệu	
29	DI	3982/QĐ-ĐHCT	24/07/2026	B2013502	Nguyễn Lê Anh Thái	07/08/2002		Mạng máy tính và truyền thông dữ liệu	
30	FL	3983/QĐ-ĐHCT	24/07/2026	B2205458	Lê Thị Yến Nhi	23/03/2004	N	Ngôn ngữ Anh	Phiên dịch - Biên dịch tiếng Anh
31	FL	3983/QĐ-ĐHCT	24/07/2026	B2205554	Nguyễn Tấn Thành	06/09/2004		Ngôn ngữ Anh (chương trình chất lượng cao)	

TT	Đơn vị	Số Quyết định	Ngày ký	MSSV	Họ tên	Ngày sinh	Nữ	Tên ngành	Tên chuyên ngành
32	FL	3983/QĐ-ĐHCT	24/07/2026	B2205555	Dương Phước Thiện	20/08/2004		Ngôn ngữ Anh (chương trình chất lượng cao)	
33	FL	3983/QĐ-ĐHCT	24/07/2026	B2113375	Nguyễn Lê Huỳnh Như	23/03/2003	N	Ngôn ngữ Pháp	
34	FL	3983/QĐ-ĐHCT	24/07/2026	B2207587	Bùi Nhật Duy	01/05/2004		Ngôn ngữ Pháp	
35	FL	3983/QĐ-ĐHCT	24/07/2026	B2207589	Phạm Hồng Đình	18/01/2004		Ngôn ngữ Pháp	
36	FL	3983/QĐ-ĐHCT	24/07/2026	B2207593	Bùi Cao Hơn	24/04/2004		Ngôn ngữ Pháp	
37	FL	3983/QĐ-ĐHCT	24/07/2026	B2207602	Ung Thị Mộng Ngân	14/04/2004	N	Ngôn ngữ Pháp	
38	FL	3983/QĐ-ĐHCT	24/07/2026	B2207608	Nguyễn Huỳnh Như	25/04/2004	N	Ngôn ngữ Pháp	
39	FL	3983/QĐ-ĐHCT	24/07/2026	B2207613	Đoàn Ngọc Thanh	02/10/2004	N	Ngôn ngữ Pháp	
40	FL	3983/QĐ-ĐHCT	24/07/2026	B2207615	Lê Thảo	04/03/2003	N	Ngôn ngữ Pháp	
41	FL	3983/QĐ-ĐHCT	24/07/2026	B2206911	Phan Ngọc Cendy	14/10/2004	N	Sư phạm Tiếng Pháp	
42	FL	3983/QĐ-ĐHCT	24/07/2026	B2206913	Lê Thị Mỹ Duyên	03/10/2004	N	Sư phạm Tiếng Pháp	
43	FL	3983/QĐ-ĐHCT	24/07/2026	B2206914	Huỳnh Kim Tâm Đoan	21/12/2004	N	Sư phạm Tiếng Pháp	
44	FL	3983/QĐ-ĐHCT	24/07/2026	B2206915	Lê Thị Thảo Giang	10/02/2004	N	Sư phạm Tiếng Pháp	
45	FL	3983/QĐ-ĐHCT	24/07/2026	B2206919	Nguyễn Thị Thủy Nguyên	02/10/2003	N	Sư phạm Tiếng Pháp	
46	FL	3983/QĐ-ĐHCT	24/07/2026	B2206922	Lê Nhật Đan Thanh	06/04/2004	N	Sư phạm Tiếng Pháp	
47	FL	3983/QĐ-ĐHCT	24/07/2026	B2206924	Lê Trí Tỏ	18/03/2004		Sư phạm Tiếng Pháp	
48	FL	3983/QĐ-ĐHCT	24/07/2026	B2206927	La Nguyễn Kim Xuân	09/06/2004	N	Sư phạm Tiếng Pháp	
49	KH	3984/QĐ-ĐHCT	24/07/2026	B2110378	Phạm Minh Thiện	18/01/2003		Hóa dược	
50	KH	3984/QĐ-ĐHCT	24/07/2026	B2204300	Trần Chí Khanh	15/05/2004		Hóa dược	
51	KH	3984/QĐ-ĐHCT	24/07/2026	B2204309	Hồ Thị Bảo Ngọc	07/10/2004	N	Hóa dược	
52	KH	3984/QĐ-ĐHCT	24/07/2026	B2204336	Nguyễn Khánh Ân	25/04/2004	N	Hóa dược	
53	KH	3984/QĐ-ĐHCT	24/07/2026	B2204345	Nguyễn Quốc Kiệt	15/05/2004		Hóa dược	
54	KH	3984/QĐ-ĐHCT	24/07/2026	B2109459	Nguyễn Thị Ngọc Trâm	24/03/2003	N	Hóa học	
55	KH	3984/QĐ-ĐHCT	24/07/2026	B2202553	Lê Ngọc Quang	15/05/2004		Hóa học	
56	KH	3984/QĐ-ĐHCT	24/07/2026	B2202560	Nguyễn Lê Nhật Thảo	19/09/2004	N	Hóa học	
57	KH	3984/QĐ-ĐHCT	24/07/2026	B2202568	Nguyễn Thị Thúy Vi	10/02/2004	N	Hóa học	
58	KH	3984/QĐ-ĐHCT	24/07/2026	B2203749	Trần Phương Anh	06/04/2004	N	Thống kê	
59	KH	3984/QĐ-ĐHCT	24/07/2026	B2109844	Phan Thị Kim Hy	09/05/2003	N	Toán ứng dụng	
60	KH	3984/QĐ-ĐHCT	24/07/2026	B2203230	Lê Trường Phát	22/01/2003		Toán ứng dụng	
61	KH	3984/QĐ-ĐHCT	24/07/2026	B2111015	Lâm Tấn Phát	20/06/2003		Vật lý kỹ thuật	
62	KH	3984/QĐ-ĐHCT	24/07/2026	B2204983	Nguyễn Quốc An	22/06/2004		Vật lý kỹ thuật	
63	KH	3984/QĐ-ĐHCT	24/07/2026	B2204992	Châu Nguyễn Hoàng Giang	01/11/2004		Vật lý kỹ thuật	
64	KT	3985/QĐ-ĐHCT	24/07/2026	B2200789	Trần Thoại Ngân	19/08/2004	N	Kế toán	
65	KT	3985/QĐ-ĐHCT	24/07/2026	B2206401	Danh Nhật Hào	13/07/2004		Kế toán	
66	KT	3985/QĐ-ĐHCT	24/07/2026	B2105983	Nguyễn Thị Như Quỳnh	19/03/2003	N	Kinh doanh quốc tế (chương trình chất lượng cao)	

TT	Đơn vị	Số Quyết định	Ngày ký	MSSV	Họ tên	Ngày sinh	Nữ	Tên ngành	Tên chuyên ngành
67	KT	3985/QĐ-ĐHCT	24/07/2026	B2112376	Huỳnh Ngọc Huy	13/02/2003		Kinh doanh quốc tế (chương trình chất lượng cao)	
68	KT	3985/QĐ-ĐHCT	24/07/2026	B2112434	Phạm Đình Khánh	19/06/2003		Kinh doanh quốc tế (chương trình chất lượng cao)	
69	KT	3985/QĐ-ĐHCT	24/07/2026	B2015402	Đặng Thị Kim Hoa	25/07/2002	N	Kinh doanh thương mại	
70	KT	3985/QĐ-ĐHCT	24/07/2026	B2112285	Phạm Ngọc Ái My	26/07/2003	N	Kinh doanh thương mại	
71	KT	3985/QĐ-ĐHCT	24/07/2026	B2206163	Dương Ngọc Anh Thư	14/07/2004	N	Kinh tế	
72	KT	3985/QĐ-ĐHCT	24/07/2026	B2201249	Lương Thị Kim Ngân	29/03/2004	N	Kinh tế nông nghiệp	
73	KT	3985/QĐ-ĐHCT	24/07/2026	B2201256	Hà Lê Yên Nhi	15/01/2004	N	Kinh tế nông nghiệp	
74	KT	3985/QĐ-ĐHCT	24/07/2026	B2201258	Võ Thị Tuyết Nhung	19/03/2004	N	Kinh tế nông nghiệp	
75	KT	3985/QĐ-ĐHCT	24/07/2026	B2201353	Nguyễn Đặng Cần Vinh	30/01/2004		Kinh tế nông nghiệp	
76	KT	3985/QĐ-ĐHCT	24/07/2026	B2201377	Hồ Thị Kim Ngân	19/10/2004	N	Kinh tế nông nghiệp	
77	KT	3985/QĐ-ĐHCT	24/07/2026	B2203317	Nguyễn Thị Bé Quyên	14/03/2004	N	Kinh tế tài nguyên thiên nhiên	
78	KT	3985/QĐ-ĐHCT	24/07/2026	B2203375	Mạc Phương Trúc Vy	03/01/2004	N	Kinh tế tài nguyên thiên nhiên	
79	KT	3985/QĐ-ĐHCT	24/07/2026	B2203377	Trịnh Thuý Vy	09/10/2004	N	Kinh tế tài nguyên thiên nhiên	
80	KT	3985/QĐ-ĐHCT	24/07/2026	B2203378	Trần Hoàng Yên	05/09/2004	N	Kinh tế tài nguyên thiên nhiên	
81	KT	3985/QĐ-ĐHCT	24/07/2026	B2201917	Phùng Kim Ái	09/11/2004	N	Marketing	
82	KT	3985/QĐ-ĐHCT	24/07/2026	B2201960	Trần Nguyễn Minh Ngọc	15/05/2004	N	Marketing	
83	KT	3985/QĐ-ĐHCT	24/07/2026	B2201990	Lương Trần Ngọc Tú	25/03/2004	N	Marketing	
84	KT	3985/QĐ-ĐHCT	24/07/2026	B2201994	Nguyễn Ngọc Vi	11/12/2004	N	Marketing	
85	KT	3985/QĐ-ĐHCT	24/07/2026	C2300043	Kiều Thị Thảo Ngân	27/12/2002	N	Marketing	
86	KT	3985/QĐ-ĐHCT	24/07/2026	B2206262	Huỳnh Ngọc Hào	08/12/2004	N	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	
87	KT	3985/QĐ-ĐHCT	24/07/2026	B2206276	Lý Mỹ Phụng	13/03/2004	N	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	
88	KT	3985/QĐ-ĐHCT	24/07/2026	B2206281	Phan Đặng Minh Thư	17/12/2004	N	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	
89	KT	3985/QĐ-ĐHCT	24/07/2026	B2206284	Lý Quốc Trung	13/04/2004		Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	
90	KT	3985/QĐ-ĐHCT	24/07/2026	B2201003	Hồ Thị Mộng Linh	05/04/2004	N	Quản trị kinh doanh	
91	KT	3985/QĐ-ĐHCT	24/07/2026	C2300163	Nguyễn Ngọc Quế Trân	13/03/2002	N	Quản trị kinh doanh	
92	KT	3985/QĐ-ĐHCT	24/07/2026	B2108423	Nguyễn Thị Như Quỳnh	29/03/2003	N	Tài chính - Ngân hàng	
93	LK	3986/QĐ-ĐHCT	24/07/2026	B2106936	Lý Bảo Trâm	13/07/2002	N	Luật	Luật thương mại
94	LK	3986/QĐ-ĐHCT	24/07/2026	B2201717	Phan Thị Thanh Huyền	05/02/2004	N	Luật	Luật thương mại
95	LK	3986/QĐ-ĐHCT	24/07/2026	B2201680	Lê Minh Thi	10/10/2004		Luật	Luật tư pháp
96	LK	3986/QĐ-ĐHCT	24/07/2026	B2201773	Đinh Tiến Anh	04/04/2001		Luật	Luật tư pháp
97	MT	3987/QĐ-ĐHCT	24/07/2026	B2108820	Thái Nhất Toàn	20/08/2003		Khoa học môi trường	
98	MT	3987/QĐ-ĐHCT	24/07/2026	B2201830	Lư Võ Ngọc Hân	27/02/2004	N	Khoa học môi trường	
99	MT	3987/QĐ-ĐHCT	24/07/2026	B2201838	Nguyễn Thanh Liêm	31/05/2004		Khoa học môi trường	
100	MT	3987/QĐ-ĐHCT	24/07/2026	B2201840	Tăng Ngọc Minh	13/11/2004	N	Khoa học môi trường	
101	MT	3987/QĐ-ĐHCT	24/07/2026	B2201850	Phạm Kiến Quốc	21/09/2004		Khoa học môi trường	

TT	Đơn vị	Số Quyết định	Ngày ký	MSSV	Họ tên	Ngày sinh	Nữ	Tên ngành	Tên chuyên ngành
102	MT	3987/QĐ-ĐHCT	24/07/2026	B2201855	Phan Phúc Thịnh	30/05/2004		Khoa học môi trường	
103	MT	3987/QĐ-ĐHCT	24/07/2026	B2201860	Lê Ngọc Phương Trang	09/09/2004	N	Khoa học môi trường	
104	MT	3987/QĐ-ĐHCT	24/07/2026	B2201870	Trần Thị Lan Châu	09/04/2004	N	Khoa học môi trường	
105	MT	3987/QĐ-ĐHCT	24/07/2026	B2201874	Trần Thị Tâm Đoan	21/05/2004	N	Khoa học môi trường	
106	MT	3987/QĐ-ĐHCT	24/07/2026	B2201914	Mã Ngọc Yên	24/02/2004	N	Khoa học môi trường	
107	MT	3987/QĐ-ĐHCT	24/07/2026	B2202154	Nguyễn Kim Chi	07/01/2004	N	Kỹ thuật môi trường	
108	MT	3987/QĐ-ĐHCT	24/07/2026	B2202166	Phạm Thị Tuyết Hương	04/07/2004	N	Kỹ thuật môi trường	
109	MT	3987/QĐ-ĐHCT	24/07/2026	B2202169	Nguyễn Đức Khang	11/08/2004		Kỹ thuật môi trường	
110	MT	3987/QĐ-ĐHCT	24/07/2026	B2202177	Lê Phi Lel	12/12/2004		Kỹ thuật môi trường	
111	MT	3987/QĐ-ĐHCT	24/07/2026	B2201403	Hồ Thị Bích An	27/11/2004	N	Quản lý đất đai	
112	MT	3987/QĐ-ĐHCT	24/07/2026	B2201487	Lê Chí Cường	19/07/2003		Quản lý đất đai	
113	MT	3987/QĐ-ĐHCT	24/07/2026	B2201509	Đặng Trúc Lê	17/02/2004	N	Quản lý đất đai	
114	NN	3988/QĐ-ĐHCT	24/07/2026	B2207242	Nguyễn Ngọc Anh Thư	01/10/2004	N	Khoa học cây trồng	Nông nghiệp công nghệ cao
115	NN	3988/QĐ-ĐHCT	24/07/2026	B2202647	Nguyễn Thị Diễm Quỳnh	05/09/2004	N	Khoa học đất	Quản lý đất và công nghệ phân bón
116	NN	3988/QĐ-ĐHCT	24/07/2026	B2109576	Tạ Hoàng Sang	13/10/2003		Bảo vệ thực vật	
117	NN	3988/QĐ-ĐHCT	24/07/2026	B2202739	Võ Minh Quân	01/05/2004		Bảo vệ thực vật	
118	NN	3988/QĐ-ĐHCT	24/07/2026	B2202770	Nguyễn Hồng Hân	14/04/2004	N	Bảo vệ thực vật	
119	NN	3988/QĐ-ĐHCT	24/07/2026	B2203981	Trần Trí Hải	29/09/2004		Chăn nuôi	
120	NN	3988/QĐ-ĐHCT	24/07/2026	B2203993	Hồ Thị Ngọc Nhân	25/08/2004	N	Chăn nuôi	
121	NN	3988/QĐ-ĐHCT	24/07/2026	B2204021	Phạm Minh Dương	05/04/2004		Chăn nuôi	
122	NN	3988/QĐ-ĐHCT	24/07/2026	B2113147	Lê Ngọc Hòa	06/06/2003		Công nghệ rau hoa quả và cảnh quan	
123	NN	3988/QĐ-ĐHCT	24/07/2026	B2106421	Trương Mỹ Nhi	13/01/2003	N	Khoa học cây trồng	
124	NN	3988/QĐ-ĐHCT	24/07/2026	B2106424	Trương Hoàng Phong	27/08/2003		Khoa học cây trồng	
125	NN	3988/QĐ-ĐHCT	24/07/2026	B2106480	Võ Hà Phúc Linh	30/12/2003	N	Khoa học cây trồng	
126	NN	3988/QĐ-ĐHCT	24/07/2026	B2207261	Nguyễn Thị Gặp	14/01/2004	N	Khoa học cây trồng	
127	NN	3988/QĐ-ĐHCT	24/07/2026	B2207284	Nguyễn Hoàng Ngân Quỳnh	08/06/2004	N	Khoa học cây trồng	
128	NN	3988/QĐ-ĐHCT	24/07/2026	B2207290	Trần Thị Kiều Tiên	12/07/2004	N	Khoa học cây trồng	
129	NN	3988/QĐ-ĐHCT	24/07/2026	B2207297	Nguyễn Lê Thế Vinh	01/01/2004		Khoa học cây trồng	
130	NN	3988/QĐ-ĐHCT	24/07/2026	B2200698	Trần Thị Khánh Hạ	25/05/2004	N	Nông học	
131	NN	3988/QĐ-ĐHCT	24/07/2026	B2010884	Huỳnh Thanh Nam	30/04/2000		Thú y	
132	NN	3988/QĐ-ĐHCT	24/07/2026	B2106942	Thạch Thị Bích Như	21/03/2002	N	Thú y	
133	NN	3988/QĐ-ĐHCT	24/07/2026	B2109295	Huỳnh Gia Bảo	19/09/2003		Thú y	
134	NN	3988/QĐ-ĐHCT	24/07/2026	B2109373	Tô Nhật Minh	15/12/2003		Thú y	
135	NN	3988/QĐ-ĐHCT	24/07/2026	B2109394	Bùi Băng Tuyền	09/12/2003	N	Thú y	

TT	Đơn vị	Số Quyết định	Ngày ký	MSSV	Họ tên	Ngày sinh	Nữ	Tên ngành	Tên chuyên ngành
136	SP	3989/QĐ-ĐHCT	24/07/2026	B2206940	Châu Thiên Kim	09/09/2004	N	Giáo dục Tiểu học	
137	SP	3989/QĐ-ĐHCT	24/07/2026	B2206953	Vũ Thị Hồng Nhung	03/09/2004	N	Giáo dục Tiểu học	
138	SP	3989/QĐ-ĐHCT	24/07/2026	B2206965	Phạm Nguyễn Thái Trân	12/04/2004	N	Giáo dục Tiểu học	
139	SP	3989/QĐ-ĐHCT	24/07/2026	B2200598	Nguyễn Thị Huỳnh Như	23/11/2004	N	Sư phạm Địa lý	
140	SP	3989/QĐ-ĐHCT	24/07/2026	B2200601	Cần Quang Phúc	29/01/2003		Sư phạm Địa lý	
141	SP	3989/QĐ-ĐHCT	24/07/2026	B2100242	Trần Ánh Hằng	02/12/2003	N	Sư phạm Sinh học	
142	SP	3989/QĐ-ĐHCT	24/07/2026	B2205344	Phạm Hoàng Trung Hậu	09/07/2004		Sư phạm Tin học	
143	SP	3989/QĐ-ĐHCT	24/07/2026	B2205351	Lê Duy Khang	16/04/2004		Sư phạm Tin học	
144	SP	3989/QĐ-ĐHCT	24/07/2026	B2205353	Ngô Duy Khương	19/03/2004		Sư phạm Tin học	
145	TN	3990/QĐ-ĐHCT	24/07/2026	B2202042	Tăng Thị Kim Ngân	03/07/2004	N	Kỹ thuật cơ khí	Cơ khí ô tô
146	TN	3990/QĐ-ĐHCT	24/07/2026	B2202145	Lưu Chí Trung	12/06/2004		Kỹ thuật cơ khí	Cơ khí ô tô
147	TN	3990/QĐ-ĐHCT	24/07/2026	B1809012	Nguyễn Tấn Định	07/09/2000		Công nghệ kỹ thuật hóa học	
148	TN	3990/QĐ-ĐHCT	24/07/2026	B2205729	Châu Thị Mỹ Nguyên	21/09/2004	N	Công nghệ kỹ thuật hóa học	
149	TN	3990/QĐ-ĐHCT	24/07/2026	B2205758	Nguyễn Khánh Băng	15/08/2004	N	Công nghệ kỹ thuật hóa học	
150	TN	3990/QĐ-ĐHCT	24/07/2026	B2205777	Phan Thảo My	27/05/2004	N	Công nghệ kỹ thuật hóa học	
151	TN	3990/QĐ-ĐHCT	24/07/2026	B2107179	Bùi Minh Trí	09/10/2003		Công nghệ kỹ thuật hóa học (chương trình chất lượng cao)	
152	TN	3990/QĐ-ĐHCT	24/07/2026	B2111765	Nguyễn Trọng Nghĩa	01/02/2003		Công nghệ kỹ thuật hóa học (chương trình chất lượng cao)	
153	TN	3990/QĐ-ĐHCT	24/07/2026	B2204148	Hà Gia Bảo	14/05/2004		Kỹ thuật cơ điện tử	
154	TN	3990/QĐ-ĐHCT	24/07/2026	B2204171	Lâm Công Hưng	05/01/2004		Kỹ thuật cơ điện tử	
155	TN	3990/QĐ-ĐHCT	24/07/2026	B2012747	Trịnh Trọng Nhân	10/01/2002		Kỹ thuật điện	
156	TN	3990/QĐ-ĐHCT	24/07/2026	B2110508	Nguyễn Hữu Tường	10/04/2003		Kỹ thuật điện	
157	TN	3990/QĐ-ĐHCT	24/07/2026	B2204431	Đặng Phước Hậu	02/02/2004		Kỹ thuật điện	
158	TN	3990/QĐ-ĐHCT	24/07/2026	B2204446	Nguyễn Đăng Khoa	05/06/2004		Kỹ thuật điện	
159	TN	3990/QĐ-ĐHCT	24/07/2026	B2204456	Nguyễn Nhựt Minh	25/06/2004		Kỹ thuật điện	
160	TN	3990/QĐ-ĐHCT	24/07/2026	B2204474	Thái Hữu Thiên	17/07/2004		Kỹ thuật điện	
161	TN	3990/QĐ-ĐHCT	24/07/2026	B2204482	Duy Quốc Vinh	07/05/2002		Kỹ thuật điện	
162	TN	3990/QĐ-ĐHCT	24/07/2026	B2110573	Trần Anh Huy	22/11/2003		Kỹ thuật điện (chương trình chất lượng cao)	
163	TN	3990/QĐ-ĐHCT	24/07/2026	B2110608	Trần Triệu Phú	20/10/2003		Kỹ thuật điện (chương trình chất lượng cao)	
164	TN	3990/QĐ-ĐHCT	24/07/2026	B2110610	Huỳnh Thanh Quang	30/07/2002		Kỹ thuật điện (chương trình chất lượng cao)	
165	TN	3990/QĐ-ĐHCT	24/07/2026	B1807010	Nguyễn Hoàng Quốc	22/05/2000		Kỹ thuật điện tử - viễn thông	
166	TN	3990/QĐ-ĐHCT	24/07/2026	B2207442	Trương Thành Tính	12/11/2004		Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	
167	TN	3990/QĐ-ĐHCT	24/07/2026	B2110431	Phạm Nhựt Anh	18/10/2003		Kỹ thuật vật liệu	
168	TN	3990/QĐ-ĐHCT	24/07/2026	B2204408	Tô Thị Thùy Trang	19/11/2004	N	Kỹ thuật vật liệu	

TT	Đơn vị	Số Quyết định	Ngày ký	MSSV	Họ tên	Ngày sinh	Nữ	Tên ngành	Tên chuyên ngành
169	TN	3990/QĐ-ĐHCT	24/07/2026	B1812749	Võ Quốc Đạm	15/09/2000		Kỹ thuật xây dựng	
170	TN	3990/QĐ-ĐHCT	24/07/2026	B1908034	Võ Khánh Trung	18/01/2001		Kỹ thuật xây dựng	
171	TN	3990/QĐ-ĐHCT	24/07/2026	B2204628	Trần Thị Hồng Gấm	24/04/2004	N	Kỹ thuật xây dựng	
172	TN	3990/QĐ-ĐHCT	24/07/2026	B2110807	Phan Ngọc Phương Anh	20/12/2003	N	Kỹ thuật xây dựng (chương trình chất lượng cao)	
173	TN	3990/QĐ-ĐHCT	24/07/2026	B2104023	Nguyễn Thúy Hạnh	07/02/2003	N	Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông	
174	TN	3990/QĐ-ĐHCT	24/07/2026	B2104041	Bùi Hữu Lộc	10/09/2003		Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông	
175	TN	3990/QĐ-ĐHCT	24/07/2026	B2204220	Văn Quốc Bình	06/08/2004		Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông	
176	TN	3990/QĐ-ĐHCT	24/07/2026	B2203891	Đinh Thị Phương Đài	20/05/2004	N	Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng	
177	TN	3990/QĐ-ĐHCT	24/07/2026	B2203931	Võ Thị Ái	08/01/2004	N	Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng	
178	TN	3990/QĐ-ĐHCT	24/07/2026	B2203934	LIN, CHIA-YANG	18/10/2004		Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng	
179	TN	3990/QĐ-ĐHCT	24/07/2026	B2203150	Võ Ngọc Thanh Thảo	01/03/2004	N	Quản lý công nghiệp	
180	TN	3990/QĐ-ĐHCT	24/07/2026	B2203158	Kiều Vân	01/04/2004	N	Quản lý công nghiệp	
181	TN	3990/QĐ-ĐHCT	24/07/2026	B2203203	Nguyễn Thúy Vi	01/02/2004	N	Quản lý công nghiệp	
182	TN	3990/QĐ-ĐHCT	24/07/2026	B2203205	Bùi Thanh Xuyên	20/02/2004		Quản lý công nghiệp	
183	TS	3991/QĐ-ĐHCT	24/07/2026	B2203053	Nguyễn Kiều Diễm	02/04/2004	N	Công nghệ chế biến thủy sản	
184	TS	3991/QĐ-ĐHCT	24/07/2026	B2203077	Huỳnh Ngọc Như Mai	11/11/2004	N	Công nghệ chế biến thủy sản	
185	TS	3991/QĐ-ĐHCT	24/07/2026	B2203115	Trần Dương Nhật Vy	05/12/2004	N	Công nghệ chế biến thủy sản	
186	TS	3991/QĐ-ĐHCT	24/07/2026	B2107715	Ngô Đình Khôi	21/04/2003		Nuôi trồng thủy sản	
187	TS	3991/QĐ-ĐHCT	24/07/2026	B2200432	Lữ Quang Huy	25/10/2004		Nuôi trồng thủy sản	
188	TS	3991/QĐ-ĐHCT	24/07/2026	B2200462	Trương Văn Thiện	13/09/2004		Nuôi trồng thủy sản	
189	TS	3991/QĐ-ĐHCT	24/07/2026	B2200506	Nguyễn Thị Phương Oanh	13/04/2004	N	Nuôi trồng thủy sản	
190	TS	3991/QĐ-ĐHCT	24/07/2026	B2200514	Trần Xuân Thắng	15/06/2004		Nuôi trồng thủy sản	
191	TS	3991/QĐ-ĐHCT	24/07/2026	B2200519	Nguyễn Thị Đài Trang	03/12/2004	N	Nuôi trồng thủy sản	
192	TS	3991/QĐ-ĐHCT	24/07/2026	B2107765	Lưu Ngọc Đăng	14/04/2003		Nuôi trồng thủy sản (chương trình tiên tiến)	
193	TS	3991/QĐ-ĐHCT	24/07/2026	B2204075	Nguyễn Đăng Khôi	28/06/2004		Quản lý thủy sản	
194	TS	3991/QĐ-ĐHCT	24/07/2026	B2204078	Nguyễn Thị Ngọc Mai	21/03/2004	N	Quản lý thủy sản	
195	XH	3992/QĐ-ĐHCT	24/07/2026	B1903147	Tạ Ngọc Thanh Thanh	26/07/2001	N	Việt Nam học	Hướng dẫn viên du lịch
196	XH	3992/QĐ-ĐHCT	24/07/2026	B2108589	Nguyễn Thị Huyền Trân	14/09/2003	N	Việt Nam học	Hướng dẫn viên du lịch
197	XH	3992/QĐ-ĐHCT	24/07/2026	B2111370	Phạm Thị Thúy Hồng	19/11/2003	N	Việt Nam học	Hướng dẫn viên du lịch
198	XH	3992/QĐ-ĐHCT	24/07/2026	B2112599	Lâm Thị Gia Hân	31/05/2003	N	Việt Nam học	Hướng dẫn viên du lịch
199	XH	3992/QĐ-ĐHCT	24/07/2026	B2206719	Nguyễn Lê Minh Thiên	12/05/2004	N	Việt Nam học	Hướng dẫn viên du lịch
200	XH	3992/QĐ-ĐHCT	24/07/2026	B2206741	Phạm Quốc Gia	14/08/2004		Việt Nam học	Hướng dẫn viên du lịch
201	XH	3992/QĐ-ĐHCT	24/07/2026	B2206817	Nguyễn Thị Thùy Trang	03/04/2004	N	Việt Nam học	Hướng dẫn viên du lịch
202	XH	3992/QĐ-ĐHCT	24/07/2026	B2206825	Lê Thị Như Ý	16/08/2004	N	Việt Nam học	Hướng dẫn viên du lịch
203	XH	3992/QĐ-ĐHCT	24/07/2026	C2300209	Trần Gia Lạc	08/10/2002		Việt Nam học	Hướng dẫn viên du lịch

TT	Đơn vị	Số Quyết định	Ngày ký	MSSV	Họ tên	Ngày sinh	Nữ	Tên ngành	Tên chuyên ngành
204	XH	3992/QĐ-ĐHCT	24/07/2026	C2300211	Trần Thanh Phúc	05/11/2002		Việt Nam học	Hướng dẫn viên du lịch
205	XH	3992/QĐ-ĐHCT	24/07/2026	S2300025	Trần Minh Mẫn	18/10/1999		Việt Nam học	Hướng dẫn viên du lịch
206	XH	3992/QĐ-ĐHCT	24/07/2026	B2206093	Phạm Ngọc Hân	03/11/2004	N	Chính trị học	
207	XH	3992/QĐ-ĐHCT	24/07/2026	B2206115	Thạch Thị Sỡ	01/09/2004	N	Chính trị học	
208	XH	3992/QĐ-ĐHCT	24/07/2026	B2202917	Nguyễn Ngọc Hân	03/01/2004	N	Thông tin - Thư viện	
209	XH	3992/QĐ-ĐHCT	24/07/2026	B2202931	Huỳnh Văn Nam	06/01/2004		Thông tin - Thư viện	
210	XH	3992/QĐ-ĐHCT	24/07/2026	B2202954	Nguyễn Quốc Thắng	12/07/2004		Thông tin - Thư viện	
211	XH	3992/QĐ-ĐHCT	24/07/2026	B2207632	Nguyễn Bảo Hân	14/07/2004	N	Thông tin - Thư viện	
212	XH	3992/QĐ-ĐHCT	24/07/2026	B2206641	Hứa Trần Nhã Uyên	26/12/2004	N	Văn học	
213	XH	3992/QĐ-ĐHCT	24/07/2026	B2206662	Cao Thị Huyền Ngân	15/11/2003	N	Văn học	
214	XH	3992/QĐ-ĐHCT	24/07/2026	B2206663	Nguyễn Thảo Nghi	24/08/2004	N	Văn học	
215	XH	3992/QĐ-ĐHCT	24/07/2026	B2206670	Nguyễn Thị Châu Pha	16/02/2004	N	Văn học	
216	XH	3992/QĐ-ĐHCT	24/07/2026	B2206671	Nguyễn Thanh Phong	26/07/2004		Văn học	
217	XH	3992/QĐ-ĐHCT	24/07/2026	B2206683	Lâm Vũ Thanh Trúc	23/02/2004	N	Văn học	
218	XH	3992/QĐ-ĐHCT	24/07/2026	B2104973	Phan Thị Cẩm Thi	18/09/2003	N	Xã hội học	
219	XH	3992/QĐ-ĐHCT	24/07/2026	B2205093	Phan Văn Định	07/08/2004		Xã hội học	
220	XH	3992/QĐ-ĐHCT	24/07/2026	B2205138	Bùi Thị Ngọc Hân	01/01/2004	N	Xã hội học	

ĐẠI HỌC CẦN THƠ